TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1256/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Khả Tú

2. Ông Dương Văn Quí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

Thường trú: đường A, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ S, Ấp X, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Thường trú: đường A, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường D, ấp M, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Đức Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm cuối năm 2020, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân là vì vấn đề tài chính trong gia đình và ông Q không tôn trọng bà T. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà T và ông Q đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông

Nguyễn Đức Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K (sinh ngày 05/10/2009) và Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 20/8/2014). Cháu Quốc K hiện đang sống với ông Q, cháu Hoàng V đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng V, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Bà T giao con chung là cháu Quốc K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Bà T có đủ khả năng nuôi cháu Hoàng V.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức Q trình bày:

Ông Q và bà Hoàng Thị T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2023, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thỉnh thoảng ông Q có uống rượu và xảy ra tranh cãi với bà T. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại. Tuy nhiên, ông Q thương hai con còn nhỏ và nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nên ông Q không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K (sinh ngày 05/10/2009) và Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 20/8/2014). Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Q có đủ điều kiện để lo cho hai con hơn là bà T. Cháu Hoàng V hiện đang ở chung với mẹ tại nhà bà ngoại, còn cháu Quốc K đang sống chung với ông Q.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 637/TLKH-BS ngày 06/8/2020 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Đức Q có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 (số 313) tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Tại tòa án, bà T và ông Q đều thừa nhận trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà T, ông Q đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng bà T, ông Q vẫn không thể đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà T và ông Q vẫn tiếp tục tranh cãi và không tìm thấy tiếng nói chung. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà T, ông Q đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Q.

[5] Về con chung: Bà T và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K (sinh ngày 05/10/2009) và Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 20/8/2014). Cháu Hoàng V hiện đang sống chung với bà T, cháu Quốc K đang sống chung với ông Q. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các con cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hoàng V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quốc K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung: Bà T và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K (sinh ngày 05/10/2009) và Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 20/8/2014). Giao cháu Hoàng V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Quốc K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T, ông Q cho đến khi có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.0000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000131 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Phường 10, Q.Tân Bình;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam